

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/IT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc tại Tờ trình số 226/TTr-TTYT ngày 29/5/2023; kèm theo Báo cáo số 69/BC-TTĐ ngày 24/5/2023 của Sở Y tế về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc và hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa năm 2023, gồm các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc năm 2023.

2. Phân chia gói thầu: toàn bộ danh mục các mặt hàng là 01 gói thầu, chia thành 04 nhóm, gồm 32 mặt hàng.

(Chi tiết tại phụ lục danh mục kèm theo).

3. Giá gói thầu: : 8.412.207.840 đồng (*Tám tỷ, bốn trăm mười hai triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, tám trăm bốn mươi đồng*).

4. Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hoá.

5. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa.

6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước.

7. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

8. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II - III/2023.

9. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư (Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với

danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên phục vụ hoạt động chuyên môn đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VXsln.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A large, stylized handwritten signature in blue ink, likely belonging to the Vice Chairman, is written over the printed name.

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục:

Danh mục Gói thầu mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa năm 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT theo TT 15/2019 và TT 06/2023	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
1.	Giải độc tổ uốn ván tinh chế	Nhóm 4	0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Ống	100	13.440	1.344.000
2.	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	Nhóm 4	≥ 2 triệu PFU/2ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Lọ	2.100	349.986	734.970.600
3.	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg	Nhóm 5	20mcg/1 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	2.800	66.780	186.984.000
4.	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg	Nhóm 5	10mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	750	45.780	34.335.000
5.	Kháng nguyên tinh chế từ vi rút đại chủng L.Pasteur 2061/VERO	Nhóm 5	≥ 2,5 IU / 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	550	164.800	90.640.000
6.	BCG sống, đông khô	Nhóm 4	0,5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	100	60.900	6.090.000
7.	Giải độc tổ uốn ván tinh chế; Giải độc tổ bạch hầu tinh chế	Nhóm 4	ít nhất 20 đơn vị quốc tế giải độc tổ uốn ván tinh chế ; ít nhất 2 đơn vị quốc tế Giải độc tổ bạch hầu tinh chế/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	50	28.665	1.433.250
8.	Chủng Rotavirus ở người sống giảm độc lực	Nhóm 1	≥10 ^{6,0} CCID ₅₀ /1,5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/tuýp	300	700.719	210.215.700
9.	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid của phế cầu khuẩn;	Nhóm 1	Mỗi 0,5 ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid của phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F	Tiêm	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	300	1.077.300	323.190.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT theo TT 15/2019 và TT 06/2023	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
	Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid của phế cầu khuẩn; Cộng với Protein vận chuyển CRM197.		polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid của phế cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg.						
10.	Biến độc tố bạch hầu; Biến độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) và Pertactin (PRN); Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBV); Vi rút bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Vi rút bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Vi rút bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của Haemophilus influenza týp B cộng hợp với giải độc tố uốn ván như protein chất mang (PRP-TT)	Nhóm 1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	830	864.000	717.120.000
11.	Vi rút sởi; Vi rút quai bị; Vi rút rubella	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml chứa: Virus sởi ≥ 1000 CCID50; virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	700	164.620	115.234.000
12.	Vi rút thủy đậu chủng Oka sống, giảm độc lực	Nhóm 1	≥ 1350 PFU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	410	714.440	292.920.400
13.	Polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	Nhóm 1	1mcg 3mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.800	829.900	1.493.820.000
14.	Vắc xin tái tổ hợp phòng vi rút HPV ở người typ 6,11,16,18.	Nhóm 1	Mỗi 0,5 ml chứa Protein L1 HPV 6; 40 mcg protein L1 HPV 11, 40 mcg protein L1 HPV 16, 20 mcg protein L1 HPV 18	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	50	1.509.600	75.480.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT theo TT 15/2019 và TT 06/2023	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
15.	Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh A (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh C (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh Y (đơn giá cộng hợp); Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh W135 (đơn giá cộng hợp); Protein giải độc tổ bạch hầu	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml chứa: Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh A (đơn giá cộng hợp) 4µg; Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh C (đơn giá cộng hợp) 4µg; Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh Y (đơn giá cộng hợp) 4µg; Polysaccharide não mô cầu nhóm huyết thanh W135 (đơn giá cộng hợp) 4µg; Protein giải độc tổ bạch hầu 48µg (Protein mang cộng hợp Polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	110	1.050.000	115.500.000
16.	Giải độc tổ bạch hầu; giải độc tổ uốn ván; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tổ ho gà (PT), Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA); Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney), típ 2 (MEF-1), típ 3 (Saukett); Kháng nguyên bề mặt viêm gan B; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml: Giải độc tổ bạch hầu ≥ 20 IU; Giải độc tổ uốn ván ≥ 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tổ ho gà (PT) 25 mcg, Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Vi-rút bại liệt (bất hoạt): típ 1 (Mahoney) 40 DU, típ 2 (MEF-1) 8 DU, típ 3 (Saukett) 32 DU; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B 10 mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ B 12 mcg; (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.200	865.200	1.038.240.000
17.	A/ Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018,IVR-190) ; A/South Australia/34/2019 (H3N2)- like strain (A/South Australia/34/2019, IVR - 197); B/ Washington/02/2019 -like strain (B/ ashington/02/2019, wild type) ; B/Phuket/3073/2013 -like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type)	Nhóm 1	15mcg haemagglutinin; 15mcg haemagglutinin; 15mcg haemagglutinin; 15mcg haemagglutinin /0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.300	251.450	326.885.000
18.	Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái	Nhóm 5	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200	554.400	110.880.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT theo TT 15/2019 và TT 06/2023	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
	tổ hợp, sống, giảm độc lực								
19.	Giải độc tố bạch hầu, giải độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm: giải độc tố (PTxd) và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA); Vi rút bại liệt tuýp 1 bất hoạt; Vi rút bại liệt tuýp 2 bất hoạt; Vi rút bại liệt tuýp 3 bất hoạt	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml có chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 I.U; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 I.U; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà 25 microgam; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 microgam; Virus bại liệt týp 1 (bất hoạt) 40 DU; Virus bại liệt týp 2 (bất hoạt) 8 DU; Virus bại liệt týp 3 (bất hoạt) 32 DU	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	20	378.672	7.573.440
20.	Virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M)	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml dung dịch hoàn nguyên chứa: virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) $\geq 2,5$ IU	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	700	241.595	169.116.500
21.	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	Nhóm 4	20mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	150	65.940	9.891.000
22.	Protein bao gồm kháng nguyên Vi rút viêm gan A tinh khiết	Nhóm 4	< 100mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	2.400	95.400	228.960.000
23.	Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực	Nhóm 2	≥ 1.400 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	470	501.000	235.470.000
24.	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	Nhóm 5	Mỗi 0,5ml chứa Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B 50mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C 50mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1.400	151.704	212.385.600
25.	Virus viêm não Nhật bản tinh khiết, bất hoạt qua nuôi cấy tế bào Vero (chủng SA14-14-2)	Nhóm 5	3mcg/0.5 ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lọ	200	253.000	50.600.000
26.	Virus viêm não Nhật bản tinh khiết, bất hoạt qua nuôi cấy tế bào Vero (chủng SA14-14-2)	Nhóm 5	6mcg/0.5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	396	352.000	139.392.000
27.	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H1N1; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H3N2; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B	Nhóm 2	Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; Type B - 15mcg; Type B-15mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	4.000	239.925	959.700.000
28.	Vắc xin phòng Sởi	Nhóm 4	0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Lọ	60	250.000	15.000.000
29.	Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của	Nhóm 4	(15mcg chủng A/H1N1 + 15mcg chủng	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	400	149.100	59.640.000

[illegible]